

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 378/2020/DS-ST
Ngày 18-11-2020
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Thanh Thà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc;
2. Bà Nguyễn Phước Trinh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 18 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 656/2019/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 347/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2020 giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Quốc T, sinh năm 1979 (có mặt);

Địa chỉ: Số 242 đường Nhuận Đức, Tổ B, ấp B, xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:*

1/ Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1958 (có mặt);

2/ Ông Võ Văn B, sinh năm 1958 (có mặt);

Địa chỉ: Số 242 đường Nhuận Đức, Tổ B, ấp B, xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 20/11/2019, những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Quốc T trình bày:

Vào ngày 25/8/2017 ông có cho bà Nguyễn Thị P và ông Võ Văn B vay số tiền 60.000.000 đồng đến ngày 29/8/2017 bà P và ông B tiếp tục vay của ông số tiền 20.000.000 đồng, tổng cộng 80.000.000 đồng, không tính lãi và hạn 01 tháng sẽ hoàn trả.

Sau đó, ông đã nhiều lần đòi số tiền nợ trên nhưng bà P và ông B không trả nợ cho ông. Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị P và ông Võ Văn B trả số tiền nợ 80.000.000 đồng, trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông không yêu cầu tính lãi suất.

Các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của mình gồm: Giấy nợ ngày 25/8/2017 (bản photo có đối chiếu bản chính), chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu (bản sao) của ông T, Bản án số 932/2019/DS-PT ngày 21/10/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (bản photo).

Bị đơn bà Nguyễn Thị P và ông Võ Văn B đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mà vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bị đơn có mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả số tiền 80.000.000 đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông không yêu cầu tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ đơn khởi kiện và những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn bà Nguyễn Thị P và ông Võ Văn B cư trú tại xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Quốc T yêu cầu bà Nguyễn Thị P và ông Võ Văn B trả số tiền là 80.000.000 (tám mươi triệu đồng), trả ngay sau khi bản án phát sinh hiệu lực pháp luật theo giấy nợ ngày 25/8/2017, ông T xác định không yêu cầu tính lãi. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định: Ông Võ Văn B và bà Nguyễn Thị P có nợ của ông Trần Quốc T số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu đồng). Quá trình trả nợ vay, bà P và ông B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, ông Trần Quốc T yêu cầu bà P và ông B trả số tiền là 80.000.000 (tám mươi triệu đồng), trả ngay sau khi bản án phát sinh hiệu lực pháp luật theo giấy nợ ngày 25/8/2017 là có căn cứ nên chấp nhận.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị P và ông Võ Văn B trình bày: Ông bà thừa nhận có vay tiền của ông Trần Quốc T hai lần, tổng cộng 80.000.000 (tám mươi triệu đồng). Đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông bà cho rằng số tiền này có liên quan đến việc mua bán đất giữa ông bà với mẹ của ông Trần Quốc T chưa được giải quyết xong. Ông bà đồng ý trả số tiền này

nhưng với điều kiện yêu cầu ông T phải dọn ra khỏi đất của ông bà. Đồng thời, ngày 03/7/2020 Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh có nhận được Đơn phản tố của bà Nguyễn Thị P và ông Võ Văn B trình bày: Ông bà đang tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với mẹ của ông Trần Quốc T là bà Nguyễn Hồng S chưa được giải quyết xong, việc vay tiền của ông Trần Quốc T thì ông bà sẽ trả sòng phẳng khi giải quyết xong tranh chấp đất. Hội đồng xét xử xét thấy, giữa bà Nguyễn Thị P, ông Võ Văn B có tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với mẹ của ông Trần Quốc T là quan hệ pháp luật khác. Do đó, lời trình bày của bị đơn không có cơ sở chấp nhận và không phải là yêu cầu phản tố theo quy định tại khoản 2 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Từ những phân tích trên; căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, cần buộc bà Nguyễn Thị P và ông Võ Văn B trả cho ông Trần Quốc T số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu đồng), trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật; căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, cần buộc bà Nguyễn Thị P và ông Võ Văn B phải trả tiền lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp. Bị đơn ông Võ Văn B, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1955 thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, bị đơn không có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để miễn án phí cho bị đơn và buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 273 và Điều 280 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468; Điều 470 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Căn cứ Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quốc T.

Buộc bà Nguyễn Thị P và ông Võ Văn B trả cho ông Trần Quốc T số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu đồng), trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà Nguyễn Thị P và ông Võ Văn B có trách nhiệm trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền với mức lãi suất được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả, kể từ ngày ông Trần Quốc T có đơn yêu cầu thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị P và ông Võ Văn B phải chịu là 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

Hoàn trả lại cho ông Trần Quốc T số tiền tạm ứng án phí 2.000.000 (hai triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0083171 ngày 24/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa